

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FICO BÌNH PHƯỚC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 19

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản FICO Bình Phước trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản FICO Bình Phước (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3800653444 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2010, thay đổi lần thứ 4 về địa chỉ công ty số 408 đường Nguyễn Huệ, phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, ngày 03 tháng 12 năm 2014, thay đổi lần thứ 6 ngày 07 tháng 10 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp về việc tăng vốn điều lệ.

Tên tiếng Anh: FICO BINH PHUOC MINERALS JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: BIFICO

Địa chỉ đăng ký: Số 408 đường Nguyễn Huệ, phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Thân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Phong	Thành viên
Ông Trương Đình Bảo Long	Thành viên
Ông Trần Minh Chính	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Phong	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Nguyễn Văn Phong
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 25 tháng 05 năm 2020

017
TNH
ĐÁN
FNA
NH
MINI
1-V

Số: 166/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Khoáng sản FICO Bình Phước

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản FICO Bình Phước, được lập ngày 25 tháng 05 năm 2019, từ trang 05 đến trang 19, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa kết chuyển đầy đủ chi phí trả trước dài hạn với số tiền là 1.452.515.483 đồng (năm 2018 là 1.343.481.418 đồng) vào Kết quả hoạt động kinh doanh. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” được trình bày cao hơn và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” được trình bày cao hơn với số tiền là 1.452.515.483 đồng trên Bảng cân đối kế toán; Đồng thời, Khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày thấp hơn với số tiền tương ứng.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản FICO Bình Phước tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến các thông tin trình bày trong thuyết minh số 4 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty phát sinh khoản giảm doanh thu từ 14.775.616.134 đồng (năm 2018) xuống 13.873.071 đồng (năm 2019) và giá vốn giảm từ 7.981.044.000 đồng (năm 2018) xuống còn 6.433.578 đồng (năm 2018), Đồng thời lưu chuyển tiền thuần trong năm 2019 đang âm (490.368.464) đồng (năm 2018 dương 499.260.044 đồng). Những yếu tố này đã làm nảy sinh sự hoài nghi về tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục. Với tình hình tài chính hiện tại, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ lượng tiền phục vụ kinh doanh cũng như sự tiếp tục hỗ trợ của các Chủ sở hữu để tạo ra đủ doanh thu và tiền để có thể thanh toán các khoản công nợ khi đến hạn. Vì thế, Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Lưu Minh Tới
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2017-137-1

Giấy Ủy quyền số 06/2020/UQCN-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 05 năm 2020

Phan Thị Xuân Diệu

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2742-2020-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		28.328.122	5.568.241.664
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	19.109.571	509.253.035
1. Tiền	111		19.109.571	509.253.035
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		-	5.053.990.960
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	-	5.053.990.960
IV- Hàng tồn kho	140		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		9.218.551	4.997.669
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.218.551	-
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.7	-	4.997.669
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		17.966.540.411	17.857.506.346
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		164.792.594	254.679.458
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.3	164.792.594	254.679.458
- Nguyên giá	222		898.868.636	898.868.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(734.076.042)	(644.189.178)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.349.232.334	16.259.345.470
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.4	16.349.232.334	16.259.345.470
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		1.452.515.483	1.343.481.418
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	1.452.515.483	1.343.481.418
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		17.994.868.533	23.425.748.010

C. N
 CP
 T
 HOC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		853.940.626	5.558.092.965
I- Nợ ngắn hạn	310		853.940.626	5.558.092.965
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.6	763.881.200	5.353.840.522
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7	1.920.000	81.541.322
4. Phải trả người lao động	314		84.700.473	122.644.913
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		3.372.745	-
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		66.208	66.208
II- Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		17.140.927.907	17.867.655.045
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.8	17.140.927.907	17.867.655.045
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.800.000.000	17.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.800.000.000	17.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	800.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		26.985.874	26.985.874
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(686.057.967)	40.669.171
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		38.954.842	38.954.842
- LNST chưa phân phối kì này	421b		(725.012.809)	1.714.329
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		17.994.868.533	23.425.748.010

Bình Phước, ngày 25 tháng 05 năm 2020

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Lệ Hằng

Bùi Thị Lệ Hằng

Nguyễn Văn Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.9	13.873.071	14.775.616.134
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.9	13.873.071	14.775.616.134
4. Giá vốn hàng bán	11	5.10	6.433.578	7.981.044.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		7.439.493	6.794.572.134
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.11	5.008.925	14.919.277
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.12	-	5.649.052.458
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.13	732.101.622	1.158.716.454
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(719.653.204)	1.722.499
11. Thu nhập khác	31		-	440.412
12. Chi phí khác	32		1.647.683	20.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(1.647.683)	420.412
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(721.300.887)	2.142.911
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.14	5.426.251	428.582
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(726.727.138)	1.714.329
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.15	(408)	1

Bình Phước, ngày 25 tháng 05 năm 2020

Người lập



Bùi Thị Lệ Hằng

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Lệ Hằng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(721.300.887)	2.142.911
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.008.925)	(14.919.277)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(726.309.812)	(12.776.366)
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	5.049.770.078	(3.095.108.650)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	(4.709.150.008)	3.273.308.816
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(109.034.065)	(31.080.702)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(428.582)	(2.002.331)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(495.152.389)	132.340.767
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.008.925	14.919.277
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.008.925	14.919.277
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	352.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	352.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(490.143.464)	499.260.044
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	509.253.035	9.992.991
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	19.109.571	509.253.035

Bình Phước, ngày 25 tháng 05 năm 2020

Người lập



Bùi Thị Lệ Hằng

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Lệ Hằng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Phong

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản FICO Bình Phước (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3800653444 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2010, thay đổi lần thứ 4 về địa chỉ công ty số 408 đường Nguyễn Huệ, phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước ngày 03 tháng 12 năm 2014, thay đổi lần thứ 6 ngày 07 tháng 10 năm 2019 về việc tăng vốn điều lệ.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FICO Binh Phuoc Minerals Joint Stock Company

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 17.800.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

STT	Tên Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị cổ phần
		CP	%	VND
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước	544.000	30,56%	5.440.000.000
2	Tổng Công ty VLXD số 1 - Công ty Cổ phần	534.000	30,00%	5.340.000.000
3	Công ty TNHH An Lộc	511.200	28,72%	5.112.000.000
4	Công ty Cổ phần Xi măng FiCO Tây Ninh	190.800	10,72%	1.908.000.000
Cộng		1.780.000	100%	17.800.000.000

Địa chỉ đăng ký: Số 408, đường Nguyễn Huệ, Phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, Việt nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Dịch vụ vận tải đường bộ, thủy; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Tư vấn, khảo sát thăm dò khoáng sản. Khoáng sản địa chất công trình; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây ăn quả; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cao su; Trồng cây gia vị, cây dược liệu; Trồng cây lâu năm khác.

Hoạt động chính trong năm là mua bán nguyên vật liệu sản xuất xi măng, thạch cao.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành; thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về việc bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về việc bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty phát sinh khoản giảm doanh thu từ 14.775.616.134 đồng (năm 2018) xuống 13.873.071 đồng (năm 2019) và giá vốn giảm từ 7.981.044.000 đồng (năm 2018) xuống còn 6.433.578 đồng (năm 2018), Đồng thời lưu chuyển tiền thuần trong năm 2019 đang âm (490.368.464) đồng (năm 2018 dương 499.260.044 đồng). Những yếu tố này đã làm nảy sinh sự hoài nghi về tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục. Với tình hình tài chính hiện tại, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ lượng tiền phục vụ kinh doanh cũng như sự tiếp tục hỗ trợ của các Chủ sở hữu để tạo ra đủ doanh thu và tiền để có thể thanh toán các khoản công nợ khi đến hạn. Vì thế, Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ban hành ngày 12 tháng 4 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

019
TY T
TOA
ETI
HÁN
Í MI
H-

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	17.496.979	24.064.789
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.612.592	485.188.246
Cộng	<u>19.109.571</u>	<u>509.253.035</u>

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	-	5.053.990.960
Công ty CP Xi Măng FICO Tây Ninh	-	5.053.990.960
Cộng	<u>-</u>	<u>5.053.990.960</u>

5.3 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2019	898.868.636	898.868.636
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2019	<u>898.868.636</u>	<u>898.868.636</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2019	644.189.178	644.189.178
Tăng trong năm	89.886.864	89.886.864
Khấu hao trong năm	89.886.864	89.886.864
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2019	<u>734.076.042</u>	<u>734.076.042</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2019	<u>254.679.458</u>	<u>254.679.458</u>
Tại ngày 31/12/2019	<u>164.792.594</u>	<u>164.792.594</u>

5.4 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi xây dựng cơ bản dở dang	<u>16.349.232.334</u>	<u>16.259.345.470</u>
Chi phí thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm phụ gia xi măng Puzolan (*)	16.349.232.334	16.259.345.470
Cộng	<u>16.349.232.334</u>	<u>16.259.345.470</u>

(*) Công ty được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 232/GP-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 23 tháng 01 năm 2018, thời hạn khai thác là 29 năm (bản pho to). Tuy nhiên, theo Quyết định số 2492/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá bazan làm phụ gia xi măng (puzolan) thì số tiền Công ty phải nộp là 27.025.737.000 đồng, số tiền phải nộp hàng năm bắt đầu từ năm 2018 là 1.863.844.000 đồng do Công ty chưa nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định nêu trên nên Công ty chưa được giao Giấy phép khai thác bản gốc dẫn đến Công ty chưa được khai thác khoáng sản.

5.5 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Dài hạn	<u>1.452.515.483</u>	<u>1.343.481.418</u>
Chi phí chờ phân bổ	1.299.290.698	1.190.256.633
Thuế VAT không được khấu trừ năm 2012	133.224.785	133.224.785
Tiền phạt vi phạm hành chính	20.000.000	20.000.000
Cộng	<u>1.452.515.483</u>	<u>1.343.481.418</u>

5.6 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	763.881.200	763.881.200	5.353.840.522	5.353.840.522
Công ty TNHH Khoáng sản Phú Miêng	138.544.600	138.544.600	1.895.524.600	1.895.524.600
Công ty TNHH Châu Thắng	625.336.600	625.336.600	3.458.315.922	3.458.315.922
Cộng	763.881.200	763.881.200	5.353.840.522	5.353.840.522

5.7 Thuế và các khoản phải trả và phải thu Nhà nước

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019 VND
Phải nộp	81.541.322	11.040.277	90.661.599	1.920.000
Thuế GTGT	75.986.077	-	75.986.077	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	428.582	428.582	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.555.245	7.611.695	11.246.940	1.920.000
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	4.997.669	4.997.669	-	-
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	4.997.669	4.997.669	-	-

5.8 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	17.000.000.000	448.000.000	26.985.874	38.954.842	17.513.940.716
Tăng trong năm	-	352.000.000	-	1.714.329	353.714.329
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	1.714.329	1.714.329
Góp vốn trong năm	-	352.000.000	-	-	352.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	17.000.000.000	800.000.000	26.985.874	40.669.171	17.867.655.045
Số dư tại 01/01/2019	17.000.000.000	800.000.000	26.985.874	40.669.171	17.867.655.045
Tăng trong năm	800.000.000	-	-	(726.727.138)	73.272.862
Tăng khác (*)	800.000.000	-	-	-	800.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(726.727.138)	(726.727.138)
Giảm trong năm	-	800.000.000	-	-	800.000.000
Giảm khác (*)	-	800.000.000	-	-	800.000.000
Số dư tại 31/12/2019	17.800.000.000	-	26.985.874	(686.057.967)	17.140.927.907

(*) Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, số vốn góp chủ sở hữu của Công ty là 17.800.000.000 đồng. Năm 2019, công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 6 ngày 07 tháng 10 năm 2019 phù hợp với số vốn góp là 17.800.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FICO BÌNH PHƯỚC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

STT	Tên Cổ đông	31/12/2019			01/01/2019		
		Số cổ phần CP	Tỷ lệ %	Giá trị cổ phần VND	Số cổ phần CP	Tỷ lệ %	Giá trị cổ phần VND
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước	544.000	30,56%	5.440.000.000	544.000	32,00%	5.440.000.000
2	Tổng Công ty VLXD số 1 - Công ty Cổ phần	534.000	30,00%	5.340.000.000	510.000	30,00%	5.100.000.000
3	Công ty TNHH An Lộc	511.200	28,72%	5.112.000.000	476.000	28,00%	4.760.000.000
4	Công ty Cổ phần Xi măng FICO Tây Ninh	190.800	10,72%	1.908.000.000	170.000	10,00%	1.700.000.000
	Cộng	1.780.000	100%	17.800.000.000	1.700.000	100%	17.000.000.000

c. Chi tiết vốn khác của chủ sở hữu

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tổng Công ty VLXD số 1 - Công ty Cổ phần	-	240.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng FICO Tây Ninh	-	208.000.000
Công ty TNHH An Lộc	-	352.000.000
Cộng	-	800.000.000

d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn góp đầu năm	17.000.000.000	17.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	800.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	17.800.000.000	17.000.000.000

e. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	31/12/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.780.000	1.700.000
Cổ phiếu phổ thông	1.780.000	1.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.780.000	1.700.000
Cổ phiếu phổ thông	1.780.000	1.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.985.874	26.985.874
Cộng	26.985.874	26.985.874

5.9 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
a) Doanh thu	13.873.071	14.775.616.134
Doanh thu bán hàng hóa	13.873.071	14.775.616.134
Cộng	13.873.071	14.775.616.134

5.10 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	6.433.578	7.981.044.000
Cộng	6.433.578	7.981.044.000

5.11 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.008.925	14.919.277
Cộng	5.008.925	14.919.277

5.12 Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	5.649.052.458
Cộng	-	5.649.052.458

5.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	490.431.538	673.481.279
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	2.928.000
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	6.621.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.000.000	217.706.389
Chi phí khác	154.670.084	257.979.577
Cộng	732.101.622	1.158.716.454

187
 CÔNG TY TNHH
 TOÁN
 ETN
 HÀNH
 TÀI CHÍNH
 H.

5.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(721.300.887)	2.142.911
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>		
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	1.647.683	-
<i>Phạt vi phạm</i>	1.647.683	-
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	(719.653.204)	2.142.911
<i>Các khoản lỗ được kết chuyển</i>	-	-
Thu nhập tính thuế	(719.653.204)	2.142.911
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	5.426.251	-
Thuế TNDN hiện hành	5.426.251	428.582

5.15 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(726.727.138)	1.714.329
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(726.727.138)	1.714.329
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.780.000	1.700.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(408)	1

5.16 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	2.928.000
Chi phí nhân công	490.431.538	673.481.279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.000.000	13.847.802.847
Chi phí khác	166.313.662	264.600.786
Cộng	740.745.200	14.788.812.912

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư các bên liên quan

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng Giám đốc	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	275.000.000	295.500.000

6.1 Giao dịch và số dư các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giao dịch bán				
Công ty Cổ phần Xi măng FiCO Tây Ninh	Bên liên quan	Bán hàng	13.873.071	14.731.757.772
Cộng			13.873.071	14.731.757.772

Số dư phải thu và phải thu khác các bên liên quan

Số dư phải thu và phải thu khác các bên liên quan		31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan	Khoản mục		
Công ty CP Xi Măng FiCO Tây Ninh	Phải thu khách hàng	-	5.053.990.960
Cộng		-	5.053.990.960

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Bình Phước, ngày 25 tháng 05 năm 2020

Người lập



Bùi Thị Lệ Hằng

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Lệ Hằng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Phong